

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày: 13-3-2025
V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào.

2. Ông Lê Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 569/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp V, xã T2, huyện X, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Tấn L, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp B, xã T2, huyện X, tỉnh Tây Ninh; ông Phan Văn D1, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T3, xã H2, huyện C2, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 02-10-2024); anh D1 có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Thanh K, sinh năm 1972; có mặt;

2.2. Bà Huỳnh Thị Kim P2, sinh năm 1972; có mặt;

Cùng địa chỉ: ấp V, xã T2, huyện X, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phan Văn D1 trình bày:

Chị An có tham gia 03 dây hội do ông K, bà P2 làm chủ hội. Cụ thể:

- Dây thứ nhất: Dây hội 1.000.000 đồng, hội khai ngày 30-3-2022 (D1 lịch), mãn ngày 30-02-2024 (D1 lịch), hội 24 phần, chị An (tên trong sổ hội là Miên) tham gia 01 phần, đóng 19 lần với số tiền 13.390.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Dây hội 1.000.000 đồng, hội khai ngày 10-6-2023 (D1 lịch), mãn ngày 10-7-2025 (D1 lịch), hội 26 phần, chị An (tên trong sổ hội là Miên) tham gia 01 phần, đóng 05 lần với số tiền 3.505.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Dây hội 2.000.000 đồng, hội khai ngày 08-4-2023 (D1 lịch), mãn ngày 08-8-2024 (D1 lịch), hội 17 phần, chị An (tên trong sổ hội là Miên) tham gia 01 phần, đóng 07 lần với số tiền 8.945.000 đồng.

Thực tế, chị An đã đóng cho bà P2, ông K số tiền 25.840.000 đồng tiền hội sống, nhưng do bể hội nên ông K, bà P2 phải trả đầy đủ tiền hội giống như hội chết cho chị An như sau: Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 30-3-2022 đóng 19 lần nên yêu cầu trả 19.000.000 đồng; dây hội 1.000.000 đồng, hội khai ngày 10-6-2023 đóng được 05 lần nên yêu cầu trả 5.000.000 đồng; dây hội 2.000.000 đồng, hội khai ngày 08-4-2023 đóng được 07 lần nên yêu cầu trả 14.000.000 đồng, tổng cộng là 38.000.000 đồng. Từ khi bể hội, ông K, bà P2 đã trả cho chị An được 2.500.000 đồng. Nay chị An khởi kiện yêu cầu buộc ông K, bà P2 có trách nhiệm trả cho chị An số tiền 35.500.000 đồng, chị An yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày nộp đơn khởi kiện 04-10-2024 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 13-01-2025, chị An có đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu tính lãi của số tiền thực đóng 25.840.000 đồng từ khi đóng hội đến tháng 01-2025 và lãi trảm trả tính từ ngày 01-02-2025 đến khi kết thúc vụ án.

Bà Huỳnh Thị Kim P2 trình bày: Bà thống nhất chị An (tên trong sổ hội là Miên) có tham gia 03 dây hội do bà làm chủ như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Tổng cộng, chị An đã đóng cho bà được 25.840.000 đồng tiền hội sống. Đến tháng 10-2023 do những người đã hốt hội không có đóng hội chết cho bà, bà không có khả năng chành hội nên tuyên bố bãi hội vào tháng 10-2023. Từ khi bãi hội, bà đã trả cho chị An được 2.500.000 đồng, hiện còn nợ lại 23.340.000 đồng. Do đó, bà chỉ đồng ý trả cho chị An 23.340.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04-10-2024 đến khi xét xử sơ thẩm, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần cho chị An, trả mỗi tháng 500.000 đồng, trả đến khi hết nợ.

Ông Huỳnh Thanh K trình bày: Ông là chồng của bà P2, ông biết và có phụ giúp trong việc bà P2 làm chủ hội. Nay ông thống nhất theo lời trình bày của bà P2, không bổ sung hay yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Thanh K, bà Huỳnh Thị Kim P2 có trách nhiệm liên đới trả cho chị An số tiền 23.340.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04-10-2024 đến khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị T1 khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh K, bà Huỳnh Thị Kim P2 có trách nhiệm trả số tiền hội 35.500.000 đồng và lãi suất. Ông K, bà P2 có địa chỉ ở ấp V, xã T2, huyện X, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hội”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn: Ngày 06-01-2025, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp, nguyên đơn yêu cầu yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày nộp đơn khởi kiện là 10-4-2024 đến khi xét xử sơ thẩm. Nhưng đến ngày

14-01-2025, Tòa án mới nhận được đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13-01-2025 của nguyên đơn, yêu cầu tính lãi suất của số tiền thực đóng 25.840.000 đồng từ khi đóng hội đến tháng 01-2025 và lãi trảm trả tính từ ngày 01-02-2025 đến khi kết thúc vụ án. Như vậy, yêu cầu bổ sung của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Các đương sự đều thống nhất, chị An có tham gia 03 dây hội do ông K, bà P2 làm chủ hội với số tiền thực đóng là 25.840.000 đồng, sau khi bẻ hội, ông K, bà P2 đã trả được chị An số tiền 2.500.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: do hội bị bẻ nên nguyên đơn yêu cầu ông K, bà P2 phải trả đầy đủ tiền hội giống như hội chết cho chị An như sau: Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 30-3-2022 đóng 19 lần nên yêu cầu trả 19.000.000 đồng; dây hội 1.000.000 đồng, hội khai ngày 10-6-2023 đóng được 05 lần nên yêu cầu trả 5.000.000 đồng; dây hội 2.000.000 đồng, hội khai ngày 08-4-2023 đóng được 07 lần nên yêu cầu trả 14.000.000 đồng, tổng cộng là 38.000.000 đồng. Xét thấy, do có nhiều hội viên không đóng hội chết, ông K, bà P2 không có khả năng choàng hội, nên ông K, bà P2 tuyên bố bẻ hội đối với các dây hội, dẫn đến mục đích tham gia dây hội của các thành viên chưa đạt được. Nên các hội viên chỉ được yêu cầu thanh toán lại số tiền thực đóng cho chủ hội và yêu cầu tính lãi suất đối với các kỳ đóng hội sống. Nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông K, bà P2 trả lại số tiền 38.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Sau khi hội bẻ, ông K bà P2 đã trả được cho chị An 2.500.000 đồng, nên khấu trừ số tiền này vào số tiền thực đóng là 25.840.000 đồng, do đó, ông K, bà P2 có trách nhiệm trả cho chị An số tiền 23.340.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất với mức 10%/năm kể từ ngày 04-10-2024 đến khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đồng ý nên ghi nhận. Từ ngày 04-10-2024 đến ngày 13-3-2025 là 05 tháng 09 ngày, tiền lãi được tính cụ thể như sau: $23.340.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 1.030.500 \text{ đồng}$.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông K, bà P2 có trách nhiệm trả cho chị An số tiền 24.370.500 đồng (trong đó có 23.340.000 đồng tiền hội và 1.030.500 đồng tiền lãi). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 11.129.500 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chỉ

Trần Thị T1 phải chịu 556.500 đồng, được khấu trừ 556.500 đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014694 ngày 31-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho chị An số tiền 318.500 đồng. Ông Huỳnh Thanh K, bà Huỳnh Thị Kim P2 phải chịu 1.218.500 (một triệu, hai trăm mười tám nghìn, năm trăm) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, 244, Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T1 đối với ông Huỳnh Thanh K, bà Huỳnh Thị Kim P2 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hội”.

Buộc ông Huỳnh Thanh K, bà Huỳnh Thị Kim P2 có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị T1 số tiền 24.370.500 (hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, năm trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 11.129.500 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Chị Trần Thị T1 phải chịu 556.500 đồng, được khấu trừ 556.500 đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014694 ngày 31-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho chị An số tiền 318.500 (ba trăm mười tám nghìn, năm trăm) đồng.

3.2. Ông Huỳnh Thanh K, bà Huỳnh Thị Kim P2 phải chịu 1.218.500 (một triệu, hai trăm mười tám nghìn, năm trăm) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

